TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

-Bản án số: **221**/2021/DS-ST
-Ngày: 18/11/2021
-V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Châu Văn Bình**
2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên toà*:

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc "*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 20/2021/TB-TA ngày 08 ngày 11 tháng 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trình Quốc N, sinh năm 1953**.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người đại diện theo ủy quyền:*

Lê Thị Hồng T, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: 244/2 T, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1952**. (vắng mặt)

Ông **Huỳnh Cảnh Tr, sinh năm 1979.** (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B 1, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày cũng tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Lê Thị Hồng T trình bày:*

Từ năm 2013, ông N có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho bà Th và anh Tr (con bà T), hình thức mua thiếu cho đến khi thu hoạch hoa màu sẽ thanh toán tiền. Đến ngày 02/5/2017, bà Th và anh Tr còn nợ ông Ngh số tiền 30.929.820 đồng, bà Th có ký xác nhận nợ và ngưng mua bán phân thuốc, bà Th hứa trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Từ ngày 29/5/2017 đến ngày 18/01/2020, bà Th và anh Tr có trả được 16.000.000 đồng, còn lại 14.929.820 đồng.

Bên cạnh đó, anh Tr và bà Th có mua thức ăn chăn nuôi gà của ông N, tính đến ngày 01/11/2014 còn nợ số tiền 87.264.800 đồng và hứa sau khi bán gà sẽ trả lại và thỏa thuận lãi 1%. Anh Tr có ký tên xác nhận nợ. Ngày 04/5/2015, anh Tr có trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 57.264.800 đồng và hứa sẽ trả dần hàng tháng. Ngày 17/4/2021, anh Tr có trả 1.000.000 đồng, còn nợ lại 56.264.800 đồng. Ông N đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh Tr và bà Th cứ hẹn dần không thực hiện và kéo dài cho đến nay.

Bà Th cho rằng đã trả đủ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu cho ông N là không đúng.

Việc ông N yêu cầu bà Th và anh Tr liên đới trả do thời điểm mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và thức ăn chăn nuôi thì bà Th và anh Tr là mẹ, con và vẫn sống chung nhà, việc trồng trọt, chăn nuôi cũng do bà Th và anh Tr cùng thực hiện để lo cho kinh tế gia đình.

Ông N yêu cầu bà Th và anh Tr trả số tiền nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bao gồm các khoản sau:

- Tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn thiếu: tiền vốn 14.929.820 đồng, tính tròn là 14.929.000 đồng, yêu cầu tính lãi với lãi suất 0.83%/tháng, tính từ 18/01/2020 cho đến ngày xét xử là 22 tháng với số tiền tính tròn là 2.726.000 đồng.

- Tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 57.264.800 đồng, tính tròn là 57.264.000 đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 04/5/2015 đến ngày 17/04/2021 với lãi suất 0.83%/tháng, tính tròn là 71 tháng, số tiền tính tròn là 33.746.000 đồng;

+ Số tiền nợ 57.264.800 đồng nêu trên, ngày 17/04/2021, anh Tr trả được 1.000.000 đồng nên còn nợ lại là 56.264.800 đồng, tính tròn 56.264.000 đồng do đó yêu cầu tính lãi từ 18/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, số tiền tính tròn là 3.268.000 đồng;

** Tại bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày*: bà có mua phân bón và thuốc trừ sâu của ông N, để trồng cây nông nghiệp ngắn ngày và sau thu hoạch sẽ trả tiền cho ông N nhưng do bị thất mùa nên bà có nợ ông N số tiền gần 19.000.000 đồng, bà có xin ông N cho trả hàng tháng 1.000.000 đồng và bà đã trả xong nợ nhưng nay ông N tính thêm lãi là 17.019.994 đồng, bà không khả năng trả tiền lãi đó. Do tuổi giá, sức khỏe yêu nên bà có đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Cảnh Tr rình bày*:

Anh thống nhất có cùng mẹ anh là bà Th có mua phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn chăn nuôi của ông N và còn nợ lại số tiền mua phân thuốc trừ sâu còn thiếu như lời ông N trình bày, trong đó nợ tiền thức ăn tính tròn là 14.929.000 đồng và tiền thức ăn chăn nuôi tính tròn là 57.264.000 đồng, đến ngày 17/4/2021 có trả được

1.000.000 đồng, còn lại là 56.264.000 đồng. Thời điểm chăn nuôi, trồng trọt anh sống chung nhà với bà Th nên việc chăn nuôi, trồng trọt cùng là để phát triển kinh tế gia đình. Do trồng trọt, chăn nuôi bị thua lỗ nên chưa trả nợ cho ông N.

Nay anh đồng ý cùng mẹ anh là bà Th trả số nợ trên cho ông N nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không khả năng trả một lần nên xin mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[2] Bị đơn Nguyễn Thị Thu Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà Thủy.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông N có bán phân bón, thuốc trừ sâu và thức ăn chăn nuôi gà cho bà Th và anh Tr nhưng do bà Thủy và anh Tr không trả đủ số tiền nợ còn lại nên ông N khởi kiện yêu cầu trả số nợ này. Anh Tr thừa nhận anh và mẹ anh là bà Th có mua phân bón, thuốc trừ sâu cùng thức ăn chăn nuôi gà và còn nợ tiền theo như ông N trình bày. Bà Th trình bày có mua phân bón, thuốc trừ sâu nhưng đã trả xong và không còn nợ ông N nhưng ông N không thừa nhận trong khi bà Th không có chứng chứng minh đã trả xong nợ cũng như anh Tr cũng thừa nhận còn nợ ông N số tiền này.

Như vậy đủ cơ sở xác định giữa các bên có thực hiện hợp đồng mua bán tài sản với nhau và anh Tr, bà Th còn nợ lại tiền thức ăn, phân bón, thuốc trừ sâu như ông N trình bày là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông N khởi kiện để yêu cầu trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc anh Tr, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền vốn mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ tính tròn là 14.929.000 đồng và tiền thức ăn chăn nuôi tính tròn là 56.264.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi:

+ Đối với khoản tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu tiền vốn 14.929.000 đồng, ông N yêu cầu tính lãi do chậm trả từ 18/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22 tháng, lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền tính tròn 2.726.000 đồng;

+ Đối với số tiền nợ thức ăn chăn nuôi 57.264.000 đồng, tính lãi từ ngày 04/5/2015 đến ngày 17/04/2021 với lãi suất 0.83%/tháng, tính tròn là 71 tháng, thành tiền tính tròn 33.746.000 đồng;

+ Do thời điểm ngày 17/04/2021, anh Tr trả được 1.000.000 đồng nên số tiền nợ còn lại tính đến ngày 17/04/2021 là 56.264.000 đồng, do đó yêu cầu tính lãi từ 18/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng với lãi suất 0.83%/tháng, thành tiền tính tròn 3.268.000 đồng;

Xét thấy, anh Tr và bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông N và hẹn dần cho đến nay làm thiệt thòi quyền, lợi ích cho ông N nên việc ông N yêu cầu tính lãi là phù hợp với Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất yêu cầu 0.83%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền lãi anh Tr và bà Th phải liên đới trả cho ông N là 39.740.000 đồng.

[5] Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa, anh Tr thừa nhận còn nợ ông N số tiền nêu trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chăn nuôi bị thua lỗ nên không khả năng trả một lần. Ông N yêu cầu trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, anh Tr và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận khi xác lập hợp đồng mua bán tài sản, hơn nữa số tiền nợ này lớn và tính đến nay đã lâu, nếu để kéo dài sẽ thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp của ông N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc anh Tr và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cho ông N ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Tr và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà Th là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà Th. Anh Tr phải chịu án phí này.

Ông N thuộc diện miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nêu trên nên không hoàn lại tạm ứng án phí cho ông.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trình Quốc N.**

Buộc anh Huỳnh Cảnh Tr và bà Nguyễn Thị Thu Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trình Quốc N số tiền nợ thức ăn chăn nuôi 56.264.000 đồng, tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu 14.929.000 đồng và tiền lãi 39.740.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 110.933.000 đồng (*Một trăm mười triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*); trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Huỳnh Cảnh Tr và bà Nguyễn Thị Thu Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Huỳnh Cảnh Tr phải chịu 5.546.000 đồng.

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Thu Th.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

<u>Nơi nhận</u>:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;